

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST  
Ngày 30-7-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Quang Sáng.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Ngọc Toàn.**  
Ông **Trần Như Cường.**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Cao Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2020; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/HSST-QĐ ngày 15-7-2020 đối với các bị cáo:

**1. Vũ Văn T**, sinh ngày 19/02/2001, tại huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn Đ, xã A, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Văn H (Đã chết); con bà Lương Thị L, sinh năm 1979;

Vợ, con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn M**, sinh ngày 10/8/2001, tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKNKTT tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1981.

Vợ, con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 31/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971. Có mặt  
Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984. Có mặt  
Trú tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Chị Lương Thị L, sinh năm 1979. Có mặt  
Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

**- Những người làm chứng:**

1. Anh Hà Đức K, sinh năm 1981. Vắng mặt  
Trú quán tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.
2. Anh Hà Văn H, sinh năm 1977. Vắng mặt  
Trú quán tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Khoảng 12 giờ ngày 30/3/2020 Vũ Văn T có rủ bạn là Nguyễn Văn M đi trộm cắp xe mô tô về tháo lấy phụ tùng lắp vào xe mô tô của T, M đồng ý. T chuẩn bị dụng cụ tháo xe cho vào ba lô rồi cùng M và Vũ Viết T1 (em trai T) đi đào măng, bắt cá ở khu vực xã Y, huyện Y. Đến khoảng 22 giờ thì cả ba đi về, trên đường về T1 đi trước còn T và M đi sau. Khoảng 22 giờ 30 phút T, M đi qua nhà anh Nguyễn Văn H ở thôn Y, xã Y thì T thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WaveS màu đỏ đen, biển kiểm sát 21E1-18925 để ở sau nhà. Cả hai quan sát không có người, trong nhà anh H tắt điện, T chỉ về phía chiếc xe mô tô, M hiểu ý nên T đi vào gạt chân chống dắt chiếc xe mô tô ra ngoài, thấy vậy M đi đến đẩy phía sau xe. Khi đi được khoảng 100 mét thì T thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa nên T bắt khóa nổ máy dèo M đi về. Khi đi đến cổng chui đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai thuộc km144 thì gặp T1, T bảo T lên xe rồi cả ba đi về nhà T. Về đến nhà T bảo M mang theo đồ cá nhân, M hỏi đi đâu thì T nói cứ đi theo T nên M cho quần áo và ba lô của M trong ba lô có sẵn kìm, cờ lên, mỏ lết...mà T chuẩn bị từ trước. T chở M đến nhà anh Hà Đức K ở thôn T, xã Q, huyện T, đến nơi T mở cửa vào nhà thấy anh K đang nằm ngủ nên T bảo M dắt xe vào nhà. T, M dùng những dụng cụ mang theo từ trước để tháo rời các bộ phận của chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được. Đến khoảng 3 giờ sáng ngày 31/3/2020 thì anh K tỉnh dậy, anh K không đồng ý cho T, M tháo xe tại nhà mình nên bảo T mang xe đi chỗ khác. Sau đó T hỏi mượn xe mô tô của anh K chở chiếc xe mô tô đang tháo đi, anh K đồng ý cho mượn nh xe không có bình ắc quy nên T lấy bình của chiếc xe trộm cắp được lắp vào xe của anh K chở đến nhà anh Hà Văn H ở cùng thôn với anh K. Đến nơi T nói với anh H là hỏng tháo phụ tùng, anh H đồng ý nên T tiếp tục tháo các phụ tùng xe còn M đi ngủ. Sau khi tháo hết các phụ tùng của xe thì T đi ngủ. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày T, M mang những phụ tùng và khung xe trộm cắp được trên đường thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/GĐTS-HĐĐG ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Văn Yên kết luận: Giá trị tài sản trưng cầu định giá có giá trị tại thời điểm ngày 30/3/2020 là 7.666.000đ.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn H khai gia đình anh bị mất 01 xe mô tô. Sau khi báo cáo chính quyền địa phương, đến nay anh đã nhận lại tài sản bị mất nh do còn thiếu nhiều bộ phận nên anh H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 5.900.000đ. Đến ngày 25/6/2020 chị Lương Thị L và chị Nguyễn Thị T2 đã bồi thường cho anh số tiền trên. Nay anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chị Lương Thị L và chị Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của các bị cáo T, M cho rằng: Toàn bộ số tiền 5.900.000đ mà các chị bồi thường cho anh H là tiền của hai gia đình, các chị bồi thường theo nguyện vọng của bị cáo T và bị cáo M. Tiền này các chị cho các con để bồi thường nên không có yêu cầu gì.

*Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-VY ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố Vũ Văn T và Nguyễn Văn M về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 riêng bị cáo M áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 6 đến 9 tháng tù, xử phạt Nguyễn Văn M từ 3 đến 5 tháng tù. Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét. Đồng thời xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt ở mức thấp nhất.

Người bị hại trình bày quá trình mất tài sản như đã nêu ở trên, đã nhận được số tiền bồi thường là 5.900.000đ, nay không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì nữa đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

Những người liên quan có mặt khai nhận các nội dung như đã nêu ở trên và không có tranh luận hay đề nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp bản kiểm điểm, các bản khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do xe mô tô bị hỏng nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của người khác mang về tháo dỡ lấy phụ tùng để thay thế cho xe mô tô của mình. T có rủ Nguyễn Văn M thực hiện cùng, M đồng ý. Đến khoảng 22 giờ

30 phút ngày 30/3/2020 T và M lén lút vào phía sau nhà anh Nguyễn Văn H ở thôn Y, xã Y lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WaveS màu đỏ đen, có biển kiểm soát 21E1-18925 trị giá 7.666.000đ. Sau đó T, M mang xe đến nhà anh Hà Đức K và anh Hà Văn H tháo dỡ lấy phụ tùng. Hành vi nêu trên của Vũ Văn T và Nguyễn Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố đối với đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn M thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và là bài học để cảnh tỉnh, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn Văn M đồng phạm về hành vi trộm cắp tài sản nH là đồng phạm giản đơn. Mỗi bị cáo có vai trò khác nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự về vai trò và hành vi mà mình thực hiện. Việc xem xét quyết định hình phạt đối với từng bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Đối với Vũ Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nH vì muốn có phụ tùng xe mô tô thay thế mà không bỏ tiền mua nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người rủ rê, lôi kéo bị cáo M thực hiện hành vi trộm cắp và cùng tháo dỡ tài sản trộm cắp được nên cần xử lý nghiêm minh, có hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo M. Còn bị cáo Nguyễn Văn M là người bị T rủ rê, lôi kéo H vì tình cảm bạn bè đã đồng ý cùng T thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng hình phạt nhẹ hơn bị cáo T.

Các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản trộm cắp đã thu hồi một phần trả cho người bị hại nên được coi là gây thiệt hại không lớn; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại số tiền 5.900.000đ nên được coi là người phạm tội tự nguyện bồi thường. Mặt khác người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo được hưởng. Từ những phân tích nêu trên cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và vai trò của từng bị cáo trong vụ án này. Bị cáo Nguyễn Văn M có 4 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét xử phạt ở mức dưới khung hình phạt. Tính đến ngày xét xử bị cáo M đã bị tạm giam 4 tháng (từ ngày 31/3/202 đến 30/7/2020) nên xử phạt ở mức bằng thời hạn tạm giam để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Do mức hình phạt tù bằng với thời gian đã bị tạm giam nên căn cứ điểm d khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn M ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Đối với Vũ Văn T

có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[5] Do các bị cáo không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình, không có việc làm và thu nhập, gia đình bị cáo M có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình bị cáo T thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn Văn M.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với bà Vũ Viết T1, khi T và M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì T1 không biết. Mặt khác T1 là em trai của Vũ Văn T nên khi thấy T và M có xe mô tô chở T1 về, T1 đã không có ý kiến gì. Vì vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Vũ Viết T1 trong vụ án này là phù hợp.

Đối với anh Hà Đức K và anh Hà Văn H: Khi T mang xe mô tô đến nhà để tháo dỡ thì anh K và anh H đều không biết là xe do T trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe WaveS, màu đỏ đen, có biển kiểm soát 21E1 – 189.25 (gồm những linh kiện, phụ tùng đã tháo dỡ) đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn H.

Đối với các đồ vật khác gồm: 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 8 một đầu hình tròn; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 9 một đầu hình tròn; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 10 một đầu hình tròn; 02 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 10-12 đã qua sử dụng; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 10-14 đã qua sử dụng; 02 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 12-14 đã qua sử dụng; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 14-17 đã qua sử dụng; 02 chiếc kim bằng kim loại, tay cầm bọc vỏ nhựa màu đỏ đen; 02 chiếc mỏ lết bằng kim loại, cỡ 12 đã qua sử dụng; 01 tô vít bằng kim loại, phần tay cầm bọc nhựa màu đen. Đây là dụng cụ mà các bị cáo dùng để tháo dỡ chiếc xe mô tô trộm cắp của anh Nguyễn Văn H và được coi là công cụ phạm tội nH đã cũ, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Do các bị cáo phạm tội, bị xử phạt nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo **Vũ Văn T, Nguyễn Văn M** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt:*

Đối với Vũ Văn T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020.

Đối với Nguyễn Văn M: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2020. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn M ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 8 một đầu hình tròn; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 9 một đầu hình tròn; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 10 một đầu hình tròn; 02 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 10-12 đã qua sử dụng; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 10-14 đã qua sử dụng; 02 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 12-14 đã qua sử dụng; 01 chiếc cơ lê bằng kim loại, cỡ 14-17 đã qua sử dụng; 02 chiếc kim băng kim loại, tay cầm bọc vỏ nhựa màu đỏ đen; 02 chiếc mỏ lết bằng kim loại, cỡ 12 đã qua sử dụng; 01 tô vít bằng kim loại, phần tay cầm bọc nhựa màu đen.

4. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Vũ Văn T và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Nhà tạm giữ, bị cáo (02);
- Người bị hại;
- Người liên quan (02);
- Lưu HSơ, Tập án, THA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Quang Sáng**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Nhà tạm giữ, bị cáo (02);
- Người bị hại;
- Người liên quan (02);
- Lưu HSơ, Tập án, THA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Quang Sáng**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Minh Quế**

**Đoàn Văn Hà**

**Vũ Quang Sáng**